

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/HSST

Ngày: 30/11/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Ngọc Vạn;
2. Ông Phạm Huy Diệu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST- HS, ngày 02 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/HSST- QĐ, ngày 16/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965 và bà Hà Thị K (Đã chết); Có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn B, sinh năm 1987 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn H (Đã chết) và bà Lưu Thị M (Đã chết); Có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 04/02/2021 bị Trưởng công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Ngày 08/3/2021 đã nộp phạt xong. Bị cáo chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo đang chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt tại phiên toà.

4. Những người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T; Anh Thái Văn Q1; Chị Nguyễn Thị L; Chị T, anh Q1, chị L vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Phạm Văn B cùng nhau kinh doanh tại cơ sở hỗ trợ tài chính 68 (Quán cầm đồ 68) tại thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương do T là chủ đứng tên đăng ký kinh doanh còn B là người góp vốn. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên ngày 23/5/2018 anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976 ở thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương đến cơ sở hỗ trợ tài chính 68 để vay tiền của Nguyễn Văn T và Phạm Văn B. Sau khi thỏa thuận thống nhất viết giấy vay nợ, nội dung viết vào một mẫu in sẵn, thông tin của bên vay Vũ Văn Q, bên cho vay là Nguyễn Văn T với số tiền vay 170.000.000 đồng, sau khi Q điền đầy đủ thông tin ký tên đưa lại cho B. Đối với lãi suất vay hai bên thỏa thuận với nhau bằng miệng tiền lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ một ngày. Do vậy lãi suất một tháng là 15.300.000 đồng nhưng T, B lấy tròn tiền lãi là 15.000.000 đồng/01 tháng, ngày 23 dương lịch hàng tháng, anh Vũ Văn Q mang tiền lãi đến quán trả cho B và T. Tuy nhiên ngày 04/7/2018 và ngày 24/7/2018 anh Vũ Văn Q đến quán cầm đồ 68 đóng tiền lãi tháng 6 và tháng 7/2018 cho T, B số tiền là 30.000.000 đồng. Đến ngày 24/8/2018 anh Vũ Văn Q đóng lãi tháng 8/2018 là 14.500.000 đồng. Sau khi thu được tiền lãi của anh Vũ Văn Q thì B trả cho T mỗi lần 3.000.000 đồng (20% tiền lãi khách hàng trả), số tiền còn lại B được hưởng 12.000.000 đồng (80% tiền lãi thu được). Đến ngày 23/9/2018 do anh Vũ Văn Q không có tiền đóng lãi nên B đã giới thiệu cho anh Vũ Văn Q vay tiền và chỉ tính lãi tháng 9/2018 là 15.000.000 đồng, anh Vũ Văn Q không còn khả năng đóng lãi nên nhờ B tìm người thế chấp tài sản. Ngày 02/11/2018 qua giới thiệu của B, vợ chồng Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 và Anh Thái Văn Q1, sinh năm 1978 đều ở Thôn H, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội đã đến quán 68 gặp anh Vũ Văn Q ở xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương thỏa thuận vay tiền, trước khi vay tiền Chị T cùng anh Vũ Văn Q đến ngân hàng VP Bank chi nhánh Hải Dương trả số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi ngân hàng 2.160.000 đồng để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Vũ Văn Q. Ngày 05/11/2018 B, chị T, anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim D (bạn gái anh Vũ Văn Q) đến phòng công chứng Hoàng Long ở Thị trấn N để công chứng chuyển quyền sử dụng đất giữa anh Vũ Văn Q và vợ chồng Chị T, Anh Thái Văn Q1. Sau khi làm xong các thủ tục thì quay về quán cầm đồ 68 của B để vay tiền thì chị T có ghi cho anh Vũ Văn Q 01 tờ giấy vay tiền với nội dung chị T cho vay 550.000.000 đồng với hình thức chuyển giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu trong vòng 04 tháng không trả được nợ gốc, chị T được quyền bán mảnh đất trên. Sau đó B là người tính tiền, B lấy 550.000.000 đồng chị T phải trả trừ đi 222.000.000 đồng (tiền gốc và lãi) trả Ngân hàng lấy số đo ra, trừ đi 185.000.000 đồng tiền vay của anh B (gồm nợ gốc 170.000.000 đồng; 15.000.000 đồng nợ lãi tháng 9/2018). Sau khi trừ tất cả các khoản anh Vũ Văn Q cầm lại

được 143.000.000 đồng. B bỏ giấy vay tiền anh Vũ Văn Q viết ngày 23/5/2018 ra xé coi như giữa anh Vũ Văn Q và B, T đã trả hết nợ. Vợ chồng chị T, anh Thái Văn Q1 tự thanh toán với B số tiền nợ 185.000.000 đồng. Ngày 10/11/2018 vợ chồng chị T, anh Thái Văn Q1 đã gửi cho B 100.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng Vietcombank của vợ B là chị Nguyễn Thị L, Sinh năm 1989, ở thôn T, xã N, huyện N còn nợ lại 85.000.000 đồng. Chiều ngày 05/12/2018 B chở Nguyễn Thị L và T đến nhà anh Vũ Văn Q ở thôn Phú Đan, xã Tân Hương, Ninh Giang, Hải Dương thu lãi hộ chị T, anh Thái Văn Q1 được 30.000.000 đồng tiền lãi của tháng 11 và tháng 12/2018. B ghi trong sổ nội dung nhận hộ tiền lãi của vợ chồng chị T, anh Thái Văn Q1 30.000.000 đồng, quyền vớ được lấy từ bản học sinh nhà anh Vũ Văn Q ở thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương thì bị lực lượng công an huyện Ninh Giang phát hiện ngăn chặn và niêm phong toàn bộ tang vật về trụ sở công an huyện Ninh Giang làm việc. Tổng số tiền anh Vũ Văn Q đóng lãi cho B, T 4 tháng (tháng 6,7,8,9 năm 2018) là 59.500.000 đồng (*Năm chín triệu năm trăm nghìn đồng*); B hưởng 47.500.000 đồng, T được chia 12.000.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết.

Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2018, số tiền gốc là 170.000.000 đồng, mức lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày thì 01 tháng anh Q1 phải trả 86.280 đồng/1.000.000 đồng, 01 năm phải trả 1.035.360 đồng/1.000.000 đồng. Như vậy, lãi suất cho vay là $(1.035.360 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 100\%) = 104\%$ của khoản vay. Mức lãi suất vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm là $104/20 = 5,2$ lần. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2018 các bị cáo thu lãi của anh Q tổng cộng là 59.500.000 đồng. Theo quy định, số tiền lãi tối đa mà các bị cáo có thể thu của anh Q là $(170.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 120 \text{ ngày}) = 11.333.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 59.500.000 đồng – 11.333.000 đồng = 48.167.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 57/CT- VKS- NG ngày 22/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T, Phạm Văn B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35- Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 90.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và

Phạm Văn B phải liên đới hoàn trả cho anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 48.167.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn B phải hoàn trả cho anh Q số tiền 38.534.000 đồng. Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho anh Q số tiền 9.633.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 170.000.000 đồng là phương tiện, công cụ bị cáo Phạm Văn B dùng vào việc phạm tội (Chưa thu). Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.333.000 đồng phát sinh từ việc phạm tội; trong đó tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn B số tiền 9.066.000 đồng và tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn T số tiền 2.267.000 đồng (Chưa thu)

Trả lại 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, tên in trên thẻ là "NGUYEN THI LOAN", số in trên thẻ: 9704366803263119011 của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 04L8001699 do phòng tài chính kế hoạch huyện Ninh Giang cấp.

Đối với 01 quyển vở học sinh có chữ viết của Phạm Văn B ngày 05/12/2018; 01 quyển sổ kẻ ngang bìa màu vàng cam, trên bìa có chữ Autumn kích thước 17 x 25 cm; 01 quyển sổ kẻ ngang bìa cứng màu đen, trên bìa có dòng chữ "Study R" kích thước 18 x 25 cm tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn B phải chịu 2.408.000 đồng án phí dân sự (đã làm tròn), bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 482.000 đồng án phí dân sự (đã làm tròn).

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/9/2018 (120 ngày) tại Cơ sở Hỗ trợ tài chính 68 ở thôn D,

xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương do Nguyễn Văn T làm chủ, đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh. Nguyễn Văn T và Phạm Văn B đã cho anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976, ở thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vay 170.000.000 đồng với mức lãi suất gấp 5,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính số tiền 48.167.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Đây là vụ án có đồng phạm tham gia nhưng không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội nên được xác định là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội với mục đích tư lợi. Bị cáo Phạm Văn B là người góp 100 % vốn, chỉ đạo việc cho vay và được hưởng 80% tiền lãi khách hàng trả nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn T là người quản lý cơ sở hỗ trợ tài chính được hưởng 20% tiền lãi khách hàng trả, nên là người thực hành giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn B là người có nhân thân xấu, năm 2021 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn B. HĐXX thấy, các bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội nên chỉ cần áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp với Điều 35- Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Khoản tiền lãi 48.167.000 đồng tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm là khoản tiền thu lời bất chính của anh Vũ Văn Q nên các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn B phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 48.167.000 đồng cho anh Vũ Văn Q. Do Phạm Văn B được hưởng 80%

khoản tiền thu lời bất chính nên B phải bồi thường cho anh Q1 số tiền 38.534.000 đồng. T được hưởng 20% số tiền bất chính nên T phải bồi thường cho anh Q số tiền 9.633.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Khoản tiền 170.000.000 đồng các bị cáo cho vay (tiền gốc) của Phạm Văn B (B đang quản lý, sử dụng chưa thu hồi) là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với khoản tiền 11.333.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm phát sinh từ việc phạm tội do B được hưởng 80% số tiền trên nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.066.000 đồng của Phạm Văn B; T được hưởng 20% số tiền trên nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 2.267.000 đồng của Nguyễn Văn T.

Đối với 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, tên in trên thẻ là "NGUYEN THI LOAN", số in trên thẻ: 9704366803263119011 của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả cho chị L. Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 04L8001699 do phòng tài chính kế hoạch huyện Ninh Giang cấp không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại bị cáo Nguyễn Văn T.

Đối với 01 quyển vở học sinh có chữ viết của Phạm Văn B ngày 05/12/2018; 01 quyển sổ kẻ ngang bìa màu vàng cam, trên bìa có chữ Autumn kích thước 17 x 25 cm; 01 quyển sổ kẻ ngang bìa cứng màu đen, trên bìa có dòng chữ "Study R" kích thước 18 x 25 cm tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng xác định Phạm Văn B và Nguyễn Văn T thu lãi của anh Vũ Văn Q cho vợ chồng Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 và Anh Thái Văn Q1, sinh năm 1978 đều ở Thôn H, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội. Ngày 17/11/2021 Cơ quan CSĐT công an huyện Ninh Giang đã trả lại cho Chị T, anh Q1 là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Focus màu trắng, BKS: 34A - 216.12 Phạm Văn B và Nguyễn Văn T dùng để đi thu lãi ngày 05/12/2018 nhà anh Vũ Văn Q. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô trên thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Trọng C, sinh năm 1974, ở khu 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương do không có nhu cầu sử dụng nên có cho Phạm Văn B mượn để đi lại. Tuy nhiên không biết việc B dùng xe của mình vào việc đi thu lãi. Nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Ninh Giang trả lại cho ông Trần Trọng C là phù hợp đúng pháp luật; Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 kết sắt màu xanh rêu, kích thước 70 x 41 x 31cm và 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa trong đó có 01 chìa có số 139 là tài sản hợp pháp của T là đúng quy định.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35- Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn B phải liên đới hoàn trả cho anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 48.167.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn B phải hoàn trả cho anh Q1 số tiền 38.534.000 đồng. Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho anh Q1 số tiền 9.633.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật về phân trách nhiệm dân sự, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền hoàn trả nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 170.000.000 đồng là phương tiện, công cụ bị cáo Phạm Văn B dùng vào việc phạm tội (Chưa thu). Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.333.000 đồng phát sinh từ việc phạm tội; trong đó tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn B số tiền 9.066.000 đồng và tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Phạm Văn T số tiền 2.267.000 đồng (Chưa thu).

Trả lại 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, tên in trên thẻ là "NGUYEN THI LOAN", số in trên thẻ: 9704366803263119011 của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 04L8001699 do phòng tài chính kế hoạch huyện Ninh Giang cấp.

Đối với 01 quyển vở học sinh có chữ viết của Phạm Văn B ngày 05/12/2018; 01 quyển sổ kẻ ngang bìa màu vàng cam, trên bìa có chữ Autumn kích thước 17 x 25 cm; 01 quyển sổ kẻ ngang bìa cứng màu đen, trên bìa có dòng chữ "Study R" kích thước 18 x 25 cm tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn B phải chịu 2.408.000 đồng án phí dân sự (đã làm tròn), bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 482.000 đồng án phí dân sự (đã làm tròn).

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THAHS- Công an huyện Ninh Giang;
- Bộ phận HS- NV- Công an huyện Ninh Giang;
- THADS huyện Ninh Giang;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

BÙI QUÝ LONG